

Bản án số: 25/2019/HSST

Ngày 26/6/2019

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HÓA, TỈNH THÁI NGUYÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Hoàng Văn Giang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Bà Ngô Thị Hiền. (Nghề nghiệp: Giáo viên).

- Ông Hoàng Đ Thủy. (Nghề nghiệp: C/b tư pháp).

*Thư ký phiên toà:* Ông Trần Thanh Tân - Thư ký TAND huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà:* Ông Đinh Khánh Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2019/HSST ngày 07/3/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HS, ngày 02/5/2019 đối với các bị cáo:

**1. Họ và tên: Nguyễn Thế Th**, sinh ngày 03/4/1993. Tên gọi khác: Không. Giới tính: N.

Nơi ĐKKHKT: Xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở: Xóm VL, xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N.

Con ông: Nguyễn Thế H (Đã chết) và bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1974.

Gia đình bị cáo có hai anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình.

Có vợ là Triệu Thị D, sinh năm 1992 và một con sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/9/2018 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên toà).

**2. Họ và tên: Nguyễn Thế H**, sinh ngày 28/02/1995. Tên gọi khác: Không. Giới tính: N.

Nơi ĐKKHKT: Xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở: Xóm VL, xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N.

Con ông: Nguyễn Thế H (Đã chết) và bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1974.

Gia đình bị cáo có hai anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không.

Tiền sự: 01. Quyết định xử phạt hành Chnh số 01 ngày 05/01/2018 của Công an xã BY, huyện Đ, xử phạt Nguyễn Thế H 750.000 đồng về hành vi đánh nhau.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/12/2018 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

tại Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

**3. Họ và tên: Triệu Văn T**, sinh ngày 17/3/1998. Tên gọi khác: Không. Giới tính: N.

Nơi ĐKKHKT: Xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở: Xóm ĐC, xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N.

Con ông: Triệu Văn D, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1980.

Gia đình bị cáo có hai anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình.

Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 21 tháng 5 năm 2015, Triệu Văn T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội Cố ý gây thương tích, theo quy định tại khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999. Ngày 23 tháng 11 năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Đ ra quyết định số 01 về việc đình chỉ vụ án.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/9/2018 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

**4. Họ và tên: Trần Văn Đ**, sinh ngày 16/10/1998. Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT: Xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở: Xóm VL, xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N.

Con ông: Trần Văn L, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị B. Sinh năm 1979.

Gia đình bị cáo có hai anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình.

Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/9/2019 đến ngày 26/02/2019 được bảo lãnh. Hiện bị cáo tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa).

**5. Họ và tên: Nguyễn Văn N**, sinh ngày 11/4/2001. Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT: Xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở: Xóm VL, xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N.

Con ông: Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1977.

Gia đình bị cáo có hai anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình.

Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa).

**Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N:**

Ông Đào Anh Tuấn – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

**2.3 Người bị hại:** Anh Phạm Văn Ch, sinh năm 1977.

Trú tại: Thôn NT, xã LT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

**2.4 Người làm chứng:**

Anh La Tiến V, sinh ngày 11/9/1998.

Trú tại: Xóm NC, xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

- Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 27/10/1997.

Trú tại: Xóm VL, xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

- Anh Ma Công Đ1, sinh ngày 22/01/1999.

Trú tại: Xóm YT, xã BY, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

- Anh Nguyễn Việt Th1, sinh ngày 05/10/1965.

Trú tại: Xóm YT, xã BY, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

- Anh Nguyễn Ngọc Biên, sinh ngày 27/10/1980.

Trú tại: Xóm YT, xã BY, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

- Anh Nông Văn N, sinh ngày 03/02/2000.

Trú tại : Xóm Nà Nậm, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

- Chị Hoàng Thị Mai Liên, sinh ngày 12/02/2001.

Trú tại : Xóm Tân Vinh, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

- Anh Lường Phúc Tr1, sinh ngày 07/3/1989.

Trú tại: Xóm YT, xã BY, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 07/7/2018, Nguyễn Thê Th; Nguyễn Thê H; Nguyễn Văn N; Trần Văn Đ; Nguyễn Văn T; Triệu Văn T; Ma Đình Đ; Nông Văn N; La Tiến V và một số người bạn, đang hát karaoke tại xã Trung Hội, huyện Đ, thì Th nhận được Đ1 thoại của gia đình nói là có anh Phạm Văn Ch gọi Đ1 đòi nợ tiền Th vay của anh Ch. Sau đó Th rủ mọi người cùng đi về, trên đường về Th gọi Đ1 thoại hẹn

gặp Ch tại ngã ba YT thuộc xã BY, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên để nói chuyện. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, Th và em trai của mình là Nguyễn Thế H, đứng tại khu vực ngã 3 gần cổng trường THPT BY, thuộc xóm YT, xã BY, huyện Đ, để chờ Ch, còn các bạn của Th thì đi đến quán nước của gia đình anh Lương Phúc Tr1 gần đó để uống nước. Th và H đứng đợi được khoảng 5 phút thì anh Ch một mình điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 20C1- 214.19 đến và đỗ cách xe mô tô của Th khoảng 02m, lúc này anh Ch vẫn ngồi trên xe thì Th đến gần sát anh Ch chào hỏi và nói chuyện khát nọ, nhưng Ch không đồng ý, nên Th đã dùng tay phải của mình đâm 01 nhát vào đầu làm anh Ch và xe bị đổ ra đường, thấy vậy H liền cầm 01 cây gậy bằng sắt (Loại gậy rút 3 khúc), có chuôi màu đen, thân màu trắng dài khoảng 50cm, H mang theo từ trước vụt nhiều nhát vào người anh Ch, anh Ch vùng dậy bỏ chạy về phía cổng trường THPT BY thì Th đuổi theo và dùng tay đâm vào người, còn H dùng gậy vụt nhiều nhát trúng vào sườn và vai của anh Ch và ném gậy sắt trúng vào người anh Ch. Lúc này, Nguyễn Văn N, Trần Văn Đ, Nguyễn Văn T, Triệu Văn T, Nông Văn N và La Tiến V cùng chạy từ quán nước đến, T có cầm theo 01 chiếc ống điều bằng tre dài khoảng 70cm, đường kính khoảng 4cm. Thấy H và Th đánh anh Ch, Nguyễn Văn N lao đến dùng tay phải đâm 3 - 4 nhát vào vùng đầu, mặt của anh Ch, Trần Văn Đ dùng tay phải đâm 02 nhát vào vai bên trái của anh Ch, Th dùng tay đâm nhiều nhát vào mặt của anh Ch và dùng chân ngáng làm anh Ch ngã ra đường, nên Nguyễn Văn N và Th dùng chân đá nhiều nhát vào vùng bụng, ngực của anh Ch. T cầm chiếc ống điều vụt 01 nhát trúng vào trán của anh Ch. Thấy vậy, H liền giăng chiếc ống điều từ tay của T và vụt nhiều nhát trúng vào vùng đầu và ngực của anh Ch làm vỡ chiếc ống điều. Lúc này, anh Ch bị chảy nhiều máu ở vùng mặt và nằm bất động, nên cả bọn bỏ đi. Sau đó, anh Ch được người dân đưa đến Bệnh viện đa khoa huyện Đ sơ cứu và được chuyển đến Bệnh viện A Thái Nguyên điều trị từ ngày 08/7/2018 đến ngày 25/7/2018 thì ra viện.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 mảnh tre vỡ (ống điều) dài 66cm, bản rộng 10cm; 01 đoạn ống sắt vuông kích thước 45x02x02cm, đã han rỉ; 01 đoạn ống sắt vuông kích thước 48x02x02cm, đã han rỉ; 01 đoạn ống sắt vuông kích thước 106x02x02cm, đã han rỉ; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda màu đỏ - đen biển kiểm soát 20C1- 214.19 và 01 đôi dép tổ ong màu trắng đã qua sử dụng.

Ngày 10/7/2018, anh Phạm Văn Ch có đơn đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ giải quyết vụ việc theo quy định.

Bệnh án của Bệnh viện đa khoa huyện Đ và Bệnh viện A Thái Nguyên xác định: Anh Phạm Văn Ch vào viện đa khoa huyện Đ hồi 01 giờ ngày 08/7/2018. Vùng đỉnh phải có vết thương rách da chảy máu dài 03cm; Vùng mũi có vết thương rách da chảy máu dài  $\approx$  03cm bờ sắc gọn; Vùng ngực dưới vú phải 02cm có vết bầm đỏ dài 20cm. Kết quả chụp X Quang thấy hình ảnh gãy cung trước xương sườn VII bên phải; Hình ảnh gãy xương đốt 2 ngón 1 bàn tay phải. Kết quả chụp cắt lớp vi tính có hình ảnh gãy bong mảnh móm cùng vai trái di lệch hoàn toàn. Kết quả chụp CT Scan thấy hình ảnh gãy xương cánh mũi hai bên; Hình ảnh gãy mảnh thẳng xương sàng; Hình ảnh đưng dập nhu mô phổi thùy dưới phổi; Hình ảnh tràn khí màng phổi phải; Hình ảnh gãy cung bên xương sườn phải.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 273 ngày 31/8/2018 của Trung tâm pháp y Sở y tế Thái Nguyên, đối với anh Phạm Văn Ch kết luận:

- Đụng dập nhu mô phổi thùy dưới phổi (P), tỷ lệ 6%
- Tổn thương, tràn khí màng phổi (P), tỷ lệ 3%
- Gãy cung bên xương sườn (P), tỷ lệ 3%
- Gãy bong mảnh móm cùng vai (T), tỷ lệ 11%
- Gãy xương đốt 2 ngón I bàn tay (P), tỷ lệ 2%
- Sẹo vùng thái dương đỉnh (P) KT nhỏ, tỷ lệ 1%
- Sẹo vùng gốc mũi KT nhỏ, tỷ lệ 1%

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 24% (Hai mươi bốn phần trăm). Áp dụng theo phương pháp cộng lùi.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận:

Bị cáo Th khai: Do anh Ch không cho khát nợ, bị cáo tưởng anh Ch rút dao nên đã lao vào đâm vào đầu anh Ch, làm anh Ch ngã xuống.

Các bị cáo H, T, Đ, N khai: Thấy Th đánh anh Ch ngã thì cùng lao vào đánh hộ, bị cáo H dùng gậy sắt đánh, bị cáo T dùng ống điều đánh, bị cáo N và Đ dùng tay, chân đánh anh Ch.

Bản Cáo trạng số 05/CT-VKSĐH ngày 07/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thế Th; Nguyễn Thế H; Triệu Văn T; Trần Văn Đ; Nguyễn Văn N về tội "Cố ý gây thương tích", theo quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều 134 BLHS.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố. Bổ sung nội dung: Các bị cáo không có mâu thuẫn gì với bị hại. Nhưng đã gây thương tích cho người bị hại, hành vi các bị cáo đã thực hiện có tính chất côn đồ được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thế Th; Nguyễn Thế H; Triệu Văn T; Trần Văn Đ; Nguyễn Văn N phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Căn cứ: điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS:

Xử phạt Nguyễn Thế Th từ 36 đến 42 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (17/9/2018).

Căn cứ: điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS:

Xử phạt Nguyễn Thế H từ 36 đến 42 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (20/12/2018).

Căn cứ: điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS:

Xử phạt Triệu Văn T từ 36 đến 42 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (24/9/2018).

Căn cứ: điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS:

Xử phạt Trần Văn Đ từ 30 đến 36 tháng tù, được trừ đi thời gian đã tạm giữ, tạm giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ: điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 190; khoản 6 Điều 91; Điều 98; Điều 101 BLHS:

Xử phạt Nguyễn Văn N từ 24 đến 30 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án các bị cáo đã bồi thường cho người bị hại tổng số tiền 120.000.000<sup>d</sup>, người bị hại không có yêu cầu bồi thường thêm. Không đề nghị HĐXX xem xét giải quyết.

Về vật chứng: Đề nghị HĐXX căn cứ 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy:

01 mảnh tre vỡ (ống điều) dài 66cm, bản rộng 10cm;

01 đoạn ống sắt vuông kích thước 45x02x02cm, đã han rỉ;

01 đoạn ống sắt vuông kích thước 48x02x02cm, đã han rỉ;

01 đoạn ống sắt vuông kích thước 106x02x02cm, đã han rỉ;

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo đối với các bị cáo. Người bị hại, người bào chữa cho bị cáo N.

Tại phiên tòa các bị cáo Th, H, T, Đ không có ý kiến tranh luận gì.

Người bào chữa cho bị cáo N tranh luận: Bị cáo N và các bị cáo khác trong vụ án không được bàn bạc từ trước mà cùng nhau thực hiện hành vi gây thương tích cho anh Ch. Trong vụ án này Bị cáo N tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn, cùng tham gia thực hiện tội phạm, gây thiệt hại về sức khỏe cho bị hại. Người bị hại bị mất 24% sức khỏe là do hành vi vi phạm pháp luật của các bị cáo, trong đó có lỗi của N.

Tại phiên tòa: Phần Luận tội đại diện viện kiểm sát đã bổ sung và củng cố thêm tình tiết định khung "...phạm tội có tính chất côn đồ" đối với tất cả các bị cáo là đúng. Nhưng vẫn giữ nguyên tình tiết "Dùng.. hung khí nguy hiểm.." là không Chnh xác với bị cáo N.

Khi phạm tội bị cáo ở độ tuổi vị thành niên, tuổi đời còn trẻ, tính tình nông nổi. Bị cáo N phạm tội lần đầu, bị cáo có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội, bị cáo đã cùng các bị cáo khác trong vụ án bồi thường cho người bị hại để khắc phục hậu quả. Do đó, bị cáo N được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 là thành khẩn khai báo, bồi thường khắc phục hậu quả và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo N không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Đề nghị HĐXX áp dụng quy định tại Điểm đ, Khoản 2 Điều 134 Bộ Luật hình sự năm 2015; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2, Điều 51; Điều 58; Điều 91; Điều 65 Bộ Luật hình sự, cho bị cáo N được hưởng án treo để cải tạo tại địa phương.

Trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa này, bị hại không có yêu cầu gì. Đề nghị hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề bồi thường dân sự và ghi nhận sự thỏa Th, tự nguyện bồi thường thiệt hại.

Bị cáo N không bổ sung ý kiến tranh luận nào.

Trước khi HĐXX nghị nghị án: Các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh, điều luật truy tố: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định:

Nguyễn Thế Th nợ tiền anh Phạm Văn Ch. Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 07/7/2018, tại xóm YT, xã BY, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Th hẹn anh Ch đến để trả cho anh Ch một nửa số tiền đã vay. Tại đây, Th đã không trả nợ cho anh Ch và xin khát nợ, anh Ch không đồng ý cho Th khát nợ, Nguyễn Thế Th đã dùng tay nắm vào đầu anh Phạm Văn Ch, làm anh Ch bị ngã, thấy vậy, Nguyễn Thế H đã dùng 01 cây gậy bằng sắt (Loại gậy rút 3 khúc), có chuôi màu đen, thân màu trắng, dài khoảng 50cm đánh nhiều nhát vào vùng lưng của anh Ch, anh Ch bỏ chạy thì H và Th đuổi theo, H dùng gậy vụt nhiều nhát trúng vào sườn và vai của anh Ch và ném gậy sắt vào người anh Ch, lúc này Nguyễn Văn N, Trần Văn Đ, Triệu Văn T và một số người bạn của Th từ quán nước chạy đến, T có cầm theo 01 chiếc ống điều bằng tre dài 66cm. Đến nơi N dùng tay phải nắm 3 - 4 nhát vào vùng đầu, mặt của anh Ch, Trần Văn Đ dùng tay phải nắm 02 nhát vào vai bên trái của anh Ch, Th dùng tay nắm vào mặt của anh Ch và dùng chân ngáng làm anh Ch ngã ra đường, tiếp đó N và Th dùng chân đá nhiều nhát vào vùng bụng, ngực của anh Ch, T cầm chiếc ống điều vụt 01 nhát trúng vào trán của anh Ch, ngay lúc này H giáng chiếc ống điều từ tay của T và vụt nhiều nhát vào đầu, ngực, gây thương tích cho anh Ch với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra theo kết luận giám định là 24% (Hai mươi bốn phần trăm).

Các bị cáo đều không có mâu thuẫn, xích mích gì từ trước với anh Phạm Văn Ch. Hành vi các bị cáo đã thực hiện “Có tính chất tính côn đồ” được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Ngoài ra các bị cáo H, T còn dùng hung khí là gậy sắt và ống điều gây thương tích cho anh Ch. Do vậy, hành vi các bị cáo H, T là “Dùng...hung khí nguy hiểm...” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra không xác định được tỉ lệ thương tích của từng bị cáo gây ra đối với anh Phạm Văn Ch, nên các bị cáo đều phải chịu trách nhiệm hình sự chung đối với tổng tỉ lệ thương tích đã gây ra cho anh Ch.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích", theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Điều luật có nội dung:

*“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*

*a) Dùng...hung khí nguy hiểm...*

*i) Có tính chất côn đồ.*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:*

*đ). Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.”*

[3] Về tính chất, hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo trong vụ án:

Nguyễn Thế Th là người có vai trò Chnh trong vụ án. Nguyễn Thế H; Triệu Văn T; Trần Văn Đ; Nguyễn Văn N phạm tội với vai trò là đồng phạm với tính chất giảm đơn.

Các bị cáo Nguyễn Thế Th; Nguyễn Thế H; Triệu Văn T; Trần Văn Đ là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc cố ý gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật, nhưng thực hiện với lỗi cố ý. Bị cáo N thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 18 tuổi (17 tuổi 02 tháng 26 ngày), mặc dù có hạn chế về nhận thức, nhưng bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Do đó, hành vi các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của người khác được Bộ luật hình sự bảo vệ. Phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi đó phải được xử lý bằng pháp luật hình sự.

Các bị cáo đều không có mâu thuẫn gì với người bị hại, gây thương tích làm cho người bị hại mất 24% sức khỏe. Hành vi các bị cáo đã thực hiện đều thể hiện tính côn đồ. Tính côn đồ được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 BLHS.

Ngoài ra, bị cáo H dùng gậy sắt, ống điều đánh anh Ch nhiều nhát, bị cáo T dùng ống điều bằng tre. Gậy sắt, ống điều bằng tre đều là vật cứng, chắc, được coi là hung khí nguy hiểm. Được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS.

Do đó, cần cá thể hóa trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS:

Các bị cáo Th, T, Đ, N chưa có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, bị cáo T là người có nhân thân xấu cụ thể: Năm 2015 đã bị khởi tố về hành vi cố ý gây thương tích, nhưng do người bị hại rút yêu cầu, nên vụ án được Tòa án nhân dân huyện Đ đình chỉ.

Bị cáo H có một tiền sự, Quyết định xử phạt hành Chnh số 01 ngày 05/01/2018 của Công an xã BY, huyện Đ, xử phạt Nguyễn Thế H 750.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo; Sau khi sự việc xảy ra, các bị cáo đã cùng góp tiền bồi thường thiệt hại đã gây ra cho anh Ch nên các bị cáo đều được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, người bị hại xin giảm hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo đều được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2, Điều 51 của BLHS.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào.

[5] Về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo: Căn cứ vào nhân thân, tính chất của vụ án và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, thấy rằng các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc cố ý gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật, nhưng cố ý thực hiện. Vì vậy, cần có hình phạt phù hợp, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung. Hình phạt dành cho các bị cáo phải phù hợp với vị trí, vai trò, tính chất khi thực hiện hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đối với từng bị cáo. Riêng bị cáo N, khi thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, cần áp dụng quy định của pháp luật hình sự đối với người chưa đủ 18 tuổi là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[6] Nông Văn N; La Tiến V, Nguyễn Văn T và Ma Đình Đ có mặt tại địa điểm anh Ch bị đánh. Tuy nhiên, không đủ căn cứ chứng minh có hành vi vi phạm pháp luật. HĐXX không xem xét.

[7] Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, các bị cáo đã cùng góp tiền bồi thường và hỗ trợ thiệt hại về tài sản cho anh Ch, cụ thể: Bị cáo Th là 50.000.000 đồng; bị cáo H là 30.000.000 đồng; các bị cáo Đ và N mỗi bị cáo 15.000.000 đồng, bị cáo T là 10.000.000 đồng, tổng số tiền là 120.000.000 đồng. Tại phiên tòa, anh Ch xác nhận đã nhận đủ số tiền cần được ghi nhận. Anh Ch không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm gì. HĐXX không xem xét.

[8] Về vật chứng: Vật chứng đã thu giữ gồm: Mảnh tre vỡ của ống điều (Bị cáo T và H dùng đánh anh Ch); 03 (ba) đoạn ống sắt vuông đã han rỉ, không còn giá trị sử dụng (Thu giữ tại hiện trường), không xác định được chủ sở hữu, cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo:

Các bị cáo phải chịu án phí HSST và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Xét đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa. Về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt từ đối với bị cáo, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo là phù hợp, đúng pháp luật và cần được chấp nhận.

[11] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo N. Về việc cho bị cáo N được hưởng án treo là không phù hợp với tính chất, mức độ hành vi bị cáo N đã thực hiện. Do vậy, không chấp nhận đề nghị của người bào chữa.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 259 Bộ luật tố tụng hình sự;

**Tuyên bố:** Các bị cáo cáo Nguyễn Thế Th; Nguyễn Thế H; Triệu Văn T; Trần Văn Đ; Nguyễn Văn N phạm tội "Cố ý gây thương tích".

- Áp dụng điểm đ, khoản 2 Điều 134 BLHS, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 260; Khoản 1 Điều 268; Khoản 1 Điều 269; Khoản 1 Điều 298; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế Th 36 (Ba Mươi sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù từ ngày tạm giữ, tạm giam 17/9/2018.

Quyết định tạm giam bị cáo 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (13/5/2019) để bảo đảm thi hành án.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 260; Khoản 1 Điều 268; Khoản 1 Điều 269; Khoản 1 Điều 298; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế H 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù từ ngày tạm giữ, tạm giam 20/12/2018.

Quyết định tạm giam bị cáo 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (13/5/2019) để bảo đảm thi hành án.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 260; Khoản 1 Điều 268; Khoản 1 Điều 269; Khoản 1 Điều 298; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Triệu Văn T 36 (Ba Mươi sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù từ ngày tạm giữ, tạm giam 24/9/2018.

Quyết định tạm giam bị cáo 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (13/5/2019) để bảo đảm thi hành án.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 260; Khoản 1 Điều 268; Khoản 1 Điều 269; Khoản 1 Điều 298; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 30 (Ba Mươi ) tháng tù. Được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/9/2018 đến ngày 26/02/2019. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 90; khoản 6 Điều 91; Điều 98; Điều 101; Khoản 2 Điều 260; Khoản 1 Điều 268; Khoản 1 Điều 269; Khoản 1 Điều 298; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

**Về trách nhiệm dân sự:** Ghi nhận các bị cáo đã bồi thường cho anh Phạm Văn Ch số tiền 120.000.000<sup>d</sup> (Một trăm hai mươi triệu đồng). Anh Phạm Văn Ch không yêu cầu bồi thường thêm. HĐXX không xem xét.

**Về vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 mảnh tre vỡ (ống điếu) dài 66cm, bản rộng 10cm; 01 đoạn ống sắt vuông kích thước 45x02x02cm, đã han rỉ; 01 đoạn ống sắt vuông kích thước 48x02x02cm, đã han rỉ; 01 đoạn ống sắt vuông kích thước 106x02x02cm, đã han rỉ.

*(Đặc điểm, tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận lập ngày 07/3/2019, giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ).*

**Án phí và quyền kháng cáo:**

Áp dụng các Điều 135; 136; 331; 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo mỗi bị cáo phải chịu 200.000<sup>d</sup> (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Có mặt các bị cáo; bị hại; báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Đ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Các bị cáo; Người bào chữa;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Văn Giang**